●59. LUYỆN TẬP

A – MỤC TIÊU

Giúp HS :

– Nắm được quy tắc nhân nhẩm một số thập phân với 0,1 ; 0,01 ; 0,001 ; ...

– Củng cố về nhân một số thập phân với một số thập phân.

– Củng cố kĩ năng đọc, viết các số thập phân và cấu tạo của số thập phân.

B – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Bài 1 : Ví dụ :

a) – Yêu cầu HS nhắc lại quy tắc nhân nhẩm một số thập phân với 10, 100, 1000, ...

– Yêu cầu HS tự tìm kết quả của phép nhân $142,57 \times 0,1$.

– Gợi ý để HS có thể tự rút ra được nhận xét như trong SGK, từ đó nêu được cách nhân nhẩm một số thập phân với 0,1.

– Yêu cầu HS tự tìm kết quả của phép nhân $531,75 \times 0,01$ sau đó tự rút ra nhận xét như trong SGK, từ đó nêu được cách nhân nhẩm một số thập phân với 0,01.

– Gợi ý để HS có thể tự rút ra được quy tắc nhân nhẩm một số thập phân với 0,1 ; 0,01 ; 0,001 ; ...

– Yêu cầu một vài HS nhắc lại quy tắc vừa nêu trên.

Chú ý nhấn mạnh thao tác : *chuyển dấu phẩy sang bên trái.*

b) Nhằm vận dụng trực tiếp quy tắc nhân nhẩm một số thập phân với 0,1 ; 0,01 ; 0,001 ; ...

– GV yêu cầu tất cả HS tự làm sau đó HS đổi vở để kiểm tra, chữa chéo cho nhau. Có thể gọi một HS đọc kết quả từng trường hợp, HS khác nhận xét, GV kết luận.

– Yêu cầu HS so sánh kết quả của các tích với thừa số thứ nhất để thấy rõ ý nghĩa của quy tắc nhân nhẩm.

Bài 2 :

– Củng cố kĩ năng viết số đo diện tích dưới dạng số thập phân.

– Hướng dẫn HS suy nghĩ, thực hiện lần lượt các thao tác :

+ Nhắc lại quan hệ giữa ha và km^2 ($1ha = 0,01km^2$).

+ Vận dụng để có : $1000ha = (1000 \times 0,01)km^2 = 10km^2$.

– HS có thể giải bằng cách dựa vào bảng đơn vị đo diện tích, rồi dịch chuyển dấu phẩy.

Bài 3 :

– Ôn về tỉ lệ bản đồ.

– HS nhắc lại về ý nghĩa của tỉ số 1 : 1 000 000 biểu thị tỉ lệ bản đồ : "1cm trên bản đồ thì ứng với 1 000 000cm = 10km trên thực tế".

– Từ đó ta có 19,8cm trên bản đồ ứng với : $19,8 \times 10 = 198$ (km) trên thực tế.